TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T, THANH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 38/2019/QĐST-DS	*T, ngày 29 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 13/9/2019 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 77/2019/TLST-DS ngày 04/6/2019 về việc "Chia thừa kế theo pháp luật".

XÉT THẤY:

Thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Đình Đ1, sinh năm 1959

Trú tại: Xóm Đ, xã H, huyện T, thành phố H

Bị đơn: Ông Lê Đình Đ2, sinh năm 1961

Trú tại: Xóm Đ, xã H, huyện T, thành phố H

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị V, sinh năm 1972

Trú tại: Số 19, ngõ Tiến Bộ, phố K, phường T, quận Đ, thành phố H

Bà Lê Thị L, sinh năm 1963

Bà Lê Thị M, sinh năm 1969

Ông Lê Đình T, sinh năm 1967

Bà Nguyễn Thị L

Anh Lê Đình T, sinh năm 1981

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985

Anh Lê Đình M, sinh năm 1986

Chị Đoàn Thị H

Chị Lê Thị H

Anh Nguyễn Công K

Đều trú tại: Xóm Đ, xã H, huyện T, thành phố H

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Đình chỉ yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 644171 ngày 08/02/2010 đối với thửa đất số 45(1), tờ bản đồ 01 tại xã H, huyện T, thành phố H mang tên anh Lê Đình T và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 644156 ngày 08/02/2010 đối với thửa đất số 45(2), tờ bản đồ 01 tại xã H, huyện T, thành phố H mang tên anh Lê Đình M của ông Lê Đình Đ2.

* Xác nhận quyền sử dụng 283,3m2 đất (đo đạc hiện trạng) thuộc thửa số 45, tờ bản đồ số 01, tại xã H, huyện T, thành phố H (đã được UBND huyện T, thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/11/2003 mang tên Lê Đình Đ2) có tổng giá trị là 16.998.000.000 đồng là di sản của cụ Lê Đình Đức và cụ Nguyễn Thị Hồng.

* Xác nhận thời điểm mở thừa kế của cụ Đức là năm 2016, thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Thị Hồng là năm 2018.

* Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đức, cụ Hồng là các ông bà: ông Lê Đình Đ2, ông Lê Đình Đ1, bà Lê Thị L, bà Lê Thị M, bà Lê Thị V và ông Lê Đình T.

* Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Lê Đình Đ, bà Nguyễn Thị L và các con là: anh Lê Đình M, anh Lê Đình T, chị Đoàn Thị H, chị Nguyễn Thị T, chị Lê Thị H, anh Nguyễn Công K không đề nghị Tòa án xem xét công sức quản lý, duy trì, tôn tạo và xây dựng các công trình trên đất.

* Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị L, bà Lê Thị M, bà Lê Thị V, ông Lê Đình T không đề nghị yêu cầu được chia hưởng di sản.

* Chia ông Lê Đình Đ1 được quản lý, sở hữu, sử dụng 64,3m2 đất thuộc một phần thửa số 45, tờ bản đồ số 01, tại xã H, huyện T, thành phố H có giá trị 3.858.000.000 đồng, có ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp nhà ông Nam dài 3,5m
- Phía Nam giáp đường đi dài 3,5m
- Phía Đông giáp đất ông Đ1 được chia dài 17,91m
- Phía Tây giáp nhà ông Chúc có các đoạn gấp khúc dài 9,54m; 8,97m

Chia ông Lê Đình Đ2 được quản lý, sở hữu, sử dụng 219m2 đất thuộc một phần thửa số 45, tờ bản đồ số 01, tại xã H, huyện T, thành phố H có giá trị 13.140.000.000 đồng, có ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp nhà ông Nam dài 12,49m
- Phía Nam giáp đường đi có các đoạn gấp khúc dài 4,16m; 5,36m; 3,32m
- Phía Đông giáp ngõ đi có các đoạn gấp khúc dài 11,06m; 5,87m

- Phía Tây giáp đất ông Đ1 được chia dài 17,91m

Trên mỗi phần đất các ông được chia đều có các công trình do gia đình ông Đ2 xây dựng. Trong thời hạn 04 năm kể từ ngày 30/11/2019 đến hết ngày 30/11/2023, gia đình ông Đ2 phải tự dỡ bỏ các công trình trên phần đất được chia cho ông Đ1 để bàn giao mặt bằng cho ông Đ1. Trường hợp gia đình ông Đ2 không dỡ bỏ, ông Đ1 có quyền tự dỡ bỏ hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền cưỡng chế dỡ bỏ các công trình trên đất ông Đ1 được chia mà không phải chịu trách nhiệm khi các công trình còn lại của gia đình ông Đ2.

3. Về án phí: Ông Đ1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đ2 phải chịu 60.570.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- Lưu hồ sơ.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
Thẩm phán